

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

ĐỀ THI GỒM 80 CÂU (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 80) DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH.

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) xác định từ loại của từ gạch chân trong các câu sau:

Câu 1: 他十年前曾经来过越南。

- A. 叹词 B. 连词 C. 副词 D. 形容词

Câu 2: 他是我们班中的先进分子，我们应该多向他学习。

- A. 介词 B. 连词 C. 动词 D. 副词

Câu 3: 她提出的意见并不是所有的人都同意的。

- A. 动词 B. 代词 C. 量词 D. 名词

Câu 4: 你温柔，美丽，像一朵花儿。

- A. 量词 B. 副词 C. 数词 D. 名词

Câu 5: 随便听从别人的建议使我犯了错误，可见人应学会自己思考。

- A. 形容词 B. 副词 C. 连词 D. 动词

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau:

Câu 6: Phiên âm đúng của từ 宠物 là: ch_____wù.

- A. ǒng B. ǎn C. ǔǎng D. ǎng

Câu 7: Phiên âm đúng của từ 辅导 là: fǔd_____.

- A. ǎo B. ǔǒ C. iǎo D. ǒu

Câu 8: Phiên âm đúng của từ 亲情 là: _____.

- A. qínqǐng B. qínqíng C. qīnqíng D. qīnqǐng

Câu 9: Phiên âm đúng của từ 文章 là: _____.

- A. wēnzhàng B. wēnzhāng C. wénzhàng D. wénzhāng

Câu 10: Phiên âm đúng của từ 简历 là: _____iǎnlì.

- A. d B. j C. q D. x

Câu 11: Phiên âm đúng của từ 标志 là: biāo_____ì.

- A. sh B. ch C. zh D. z

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) giải thích từ/ cụm từ gạch chân trong các câu sau:

Câu 12: 他是我的好友，我怎么能不帮助他呢？

- A. 一定帮助他 B. 不知道怎么帮助他
C. 怎么帮助他 D. 为什么帮助他

Câu 13: 在这里，你可以圆你少年的梦。

- A. 满足 B. 创立 C. 破坏 D. 实现

Câu 14: 晚上吃完饭以后，我偶尔会看电视。

- A. 不能 B. 很少 C. 一般 D. 常常

Câu 15: 哪怕是山高路远，他也一定要去。

- A. 不怕 B. 即使 C. 只要 D. 恐怕

Câu 16: 他真想对小孩子发一通脾气，可忍了忍，还是忍住了。

- A. 友好 B. 解释 C. 发怒 D. 帮助

Câu 17: 波兰科学家丰克经过千百次的试验，终于从米糠中提取了维生素。

- A. 一千一百次 B. 一千次 C. 每天一次 D. 很多次

Câu 18: 我给你说个对象吧。

- A. 表达 B. 说明 C. 解释 D. 介绍

Câu 19: 他居然在很多人面前指出一位学识丰富的人的错误。

- A. 然而 B. 竟然 C. 干脆 D. 究竟

Câu 20: 他偷偷摸摸的，就像去做什么见不得人的事。

- A. 看不下去 B. 受不了 C. 看不见 D. 不光彩

Câu 21: 我常跟他打交道，他真是个厉害的人啊！

- A. 一起工作 B. 有来往 C. 打架 D. 打听

Câu 22: 这个女孩儿长得一般，不过挺会打扮。

- A. 很 B. 果然 C. 反而 D. 竟

Câu 23: 天气晴朗，昨天不少市民都走出了家门。

- A. 少数 B. 多数 C. 有些 D. 很多

Câu 24: 他反复解释自己只不过是了解一下情况，并没有别的意思。

- A. 进一步 B. 再三 C. 主动 D. 再一次

Chọn vị trí đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho từ/ cụm từ trong ngoặc cho các câu sau:

Câu 25: 他对所有 A 的 B 人 C 表示热烈的欢迎 D。 (参加会议)

Câu 26: A 今天 B 我 C 学会 D 做这个菜不可。 (非)

Câu 27: 我以前是 A 同意 B 他当主任，不过现在看法有 C 了改变 D。 (过)

Câu 28: 开车 A 去那儿 B 跟走路去那儿的时间 C 一样 D 长。 (几乎)

Câu 29: 那个 A 穿着时髦 B、谈吐优雅 C 女 D 老师是我朋友。 (的)

Câu 30: A 有什么困难 B 尽管说好了，大家 C 会帮助 D 你的。 (一定)

Câu 31: 昨天晚上 A 他看了 B 书 C，结果就在沙发上睡着了 D，灯都没关。 (三个小时)

Câu 32: 笑 A 不但 B 对健康有益 C，而且也 D 我们搞好与他人的关系。 (有助于)

Câu 33: 那种 A 真是 B 没法用语言表达 C，没当过妈妈的人是体会不到的 D。
(幸福的感觉)

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong đoạn văn sau (từ câu 34 đến câu 43):

摇滚青年

我的一个外甥考进了清华大学，他爱好摇滚音乐，白天上课，晚上弹吉他。清华的功课可不是闹着玩儿的，每当考期临近，他就要熬夜准备功课，几个学期下来，瘦得可以飘 (34) _____。他还想毕业后 (35) _____ 摇滚音乐为生。不要说他的父母觉得大祸临头，连我这个当作家的舅舅，也觉得玩摇滚很难谋生。我得负起舅舅的责任，劝他毕业后 (36) _____ 去做电气工程师。可是他说他爱好音乐。我说：“你先挣些钱来养活自己， (37) _____ 去‘爱好’也不迟。摇滚音乐我不懂，但似乎不是一种快乐 (38) _____ 生活。”我外甥马上接着说：“ (39) _____ 要快乐呢？痛苦是艺术的源泉。”我说：“不错，痛苦是艺术的源泉， (40) _____ 不必是你自己的痛苦，别人的痛苦也可以是你艺术的源泉，如果你受苦，你可能 (41) _____ 别人的艺术源泉。” (42) _____ 我自己并不这么认为，没想到却 (43) _____ 外甥说服了，他同意好好念书，毕业后不搞摇滚，进公司去挣大钱。

(选自马箭飞《汉语口语速成·提高篇》，北京语言大学出版社，2011年)

Câu 34: A. 过来	B. 下去	C. 起来	D. 上来
Câu 35: A. 给	B. 以	C. 将	D. 让
Câu 36: A. 或是	B. 或者	C. 还是	D. 就是
Câu 37: A. 再	B. 接着	C. 又	D. 还
Câu 38: A. 得	B. 过	C. 的	D. 地
Câu 39: A. 何必	B. 何况	C. 不必	D. 况且
Câu 40: A. 但是	B. 因此	C. 反而	D. 因而
Câu 41: A. 改变	B. 变化	C. 成为	D. 变
Câu 42: A. 由于	B. 虽然	C. 既然	D. 不管
Câu 43: A. 让	B. 对	C. 拿	D. 把

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) điền vào chỗ trống trong các câu sau:

- Câu 44:** 我相信这次考_____一定能取得好成绩。
A. 试 B. 轼 C. 式 D. 拭
- Câu 45:** 练书法不仅能_____高人的书写水平，也能增长知识，还可以修身养性。
A. 题 B. 堤 C. 提 D. 踢
- Câu 46:** 当_____国遭到外来侵略的时候，全国同胞都要团结起来，一起抗战。
A. 阻 B. 租 C. 祖 D. 组
- Câu 47:** 现在摆在世界人民面前的任务是_____化地球。
A. 禄 B. 绿 C. 碌 D. 录
- Câu 48:** 我们学生沐浴着烛光，在知识的海洋里_____游。
A. 激 B. 邀 C. 傲 D. 遨

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) hoàn thành các câu sau:

- Câu 49:** 打开房间门，他看见地上_____地摆着四双拖鞋，其中有一双就是他的。
A. 齐齐整整 B. 整整齐齐 C. 很整整齐齐 D. 整齐整齐
- Câu 50:** _____你亲自去请他，_____他不会来的。
A. 除非……否则…… B. 因为……所以……
C. 除非……才…… D. 如果……那么……
- Câu 51:** 刘阿姨说这个周末得去单位加班，不_____来我们家一起吃饭。
A. 愿 B. 要 C. 能 D. 应
- Câu 52:** 安娜芭蕾舞跳_____棒极了，这次晚会可不能没有她的节目。
A. 得 B. 地 C. 着 D. 的
- Câu 53:** 在银行取钱时，通常要_____本人的有效证件。
A. 跟 B. 凭 C. 据 D. 以
- Câu 54:** 人_____成为“万物之灵”，就_____有一个比任何动物都聪明的脑袋。
A. 虽然……可…… B. 之所以……是因为……
C. 不管……也…… D. 无论……也……
- Câu 55:** 我认为合理的价格、优良的环境、优质的服务才算是_____的高级公寓。
A. 真情 B. 有意 C. 正确 D. 真正
- Câu 56:** 刚晴了两天，怎么又_____？
A. 下起雨来了 B. 下了起来雨 C. 雨下起来了 D. 下雨起来了
- Câu 57:** 这段生活_____我永远忘不了。
A. 试验 B. 经验 C. 经历 D. 过程

- Câu 58:** 这件事_____他来说, 简直是易如反掌。
 A. 给 B. 对 C. 为 D. 向
- Câu 59:** 他知道我打碎花瓶以后, _____没有生气, _____笑着说: “岁岁平安”。
 A. 不但……反而…… B. 宁可……也不……
 C. 如果……就…… D. 因为……所以……
- Câu 60:** 我现在比刚来北京时_____忙。
 A. 特别 B. 很 C. 非常 D. 还
- Câu 61:** 我家住在_____市区不远的地方。
 A. 自 B. 从 C. 离 D. 往
- Câu 62:** 一般来说, 结婚礼品的选择, _____是家里的一些摆设儿、床上用品、餐具、茶具, _____是美化房间的物品。
 A. 不是……而是…… B. 一边……一边……
 C. 又……又…… D. 或者……或者……
- Câu 63:** 小王, 这是怎么_____事?
 A. 种 B. 回 C. 个 D. 件
- Câu 64:** 在我的印象_____, 她是个非常有性格的人, 同时也是个很有追求的人。
 A. 上 B. 内 C. 外 D. 中
- Câu 65:** 两个人虽然性格完全不同, 但是相处得很愉快, _____不吵嘴, 也没红过脸。
 A. 经常 B. 从来 C. 总是 D. 一直
- Câu 66:** 人们_____懂得夏天体内寒、冬天体内热的道理, 夏天就不会饮用大量的冷饮了。
 A. 只要 B. 只有 C. 应该 D. 因为
- Câu 67:** _____放慢经济发展的速度, _____把环境保护好。
 A. 无论……也要…… B. 宁可……也要……
 C. 不仅……而且…… D. 虽然……但是……
- Câu 68:** 处理家庭关系也是门艺术, 不是_____人都能做好的。
 A. 什么 B. 谁 C. 怎么 D. 怎样
- Câu 69:** 请她来吃饭, 我倒是可以去, 可她要是不肯来_____?
 A. 呢 B. 吧 C. 吗 D. 啊
- Câu 70:** 附近所有书店我都跑遍了, 但没有找到老师给我们推荐的那_____词典。
 A. 只 B. 种 C. 本 D. 张
- Câu 71:** 他很聪明, 但_____还是个孩子, 不能要求他什么都懂。
 A. 根据 B. 如何 C. 甚至 D. 毕竟
- Câu 72:** 真不明白, 这么多人, 老板为什么_____选中了你?
 A. 不禁 B. 明明 C. 分明 D. 偏偏
- Câu 73:** 你们在开发大自然的同时, _____?
 A. 保护有没有考虑大自然呢 B. 有没有考虑保护大自然呢
 C. 有考虑没有保护大自然呢 D. 有考虑保护没有大自然呢
- Câu 74:** 这件事_____小李去办, 你就别管了。
 A. 被 B. 把 C. 使 D. 由
- Câu 75:** 这个书包太小了, 装不下那么多的词典和东西_____?
 A. 吗 B. 呢 C. 了 D. 吧

Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) theo nội dung bài đọc (từ câu 76 đến câu 80):

伦敦的出租汽车

英国伦敦的出租汽车不仅外观特别，而且还以服务周到闻名世界。1989 年和 1990 年连续获得国际出租汽车协会授予的“世界最佳出租汽车服务奖”。

在伦敦街头行驶的一万六千多辆出租汽车，几乎都是老式“奥斯汀”牌汽车，这些车看上去不够华丽，但坐起来却十分舒服，因为它比一般的车高大宽敞。这种车后排可坐四人，另外还有一把折叠椅，打开以后可以坐两人。亲朋好友五六个人外出，叫上一辆车就行了。

伦敦的出租汽车司机都受过严格的训练，他们对伦敦一万八千多条街道和上千个医院、旅馆、办公室、娱乐场所的位置都十分熟悉。只要你坐上出租汽车，司机就能以最短的线路、最快的速度把你送到目的地，尽量节约你的时间和金钱。他们不仅技术好，而且也有良好的职业道德，拒载、多收费、与乘客争吵的事很少发生。乘客如果对服务不满意，可以到市警察局投诉，违反规定的司机会受到处罚，严重的将被吊销驾驶执照。

(根据 1996 年 12 月 11 日《国际商报》中的文章改写)

Câu 76: 这篇文章主要介绍:

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| A. 伦敦出租汽车的情况 | B. 伦敦出租汽车的外观 |
| C. 伦敦出租汽车司机的技术 | D. 伦敦出租汽车的数量 |

Câu 77: 伦敦的出租汽车:

- | | |
|----------------|--------------------|
| A. 开得很慢 | B. 都很破旧 |
| C. 很漂亮 | D. 大部分是一个样子 |

Câu 78: 文章中没有提到:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| A. 伦敦出租汽车司机的职业道德 | B. 伦敦出租汽车获得过的奖项 |
| C. 伦敦出租汽车的价钱 | D. 伦敦出租汽车的服务质量 |

Câu 79: 在伦敦，严重违反规定的司机:

- | | |
|--------------------|-------------------|
| A. 会被没收出租汽车 | B. 会被关进监狱 |
| C. 不能再开出租汽车 | D. 会被警察抓起来 |

Câu 80: 作者对伦敦出租汽车的态度是:

- | | | | |
|-------------------|---------------|------------------|---------------|
| A. 没有特别的感觉 | B. 赞赏的 | C. 有保留地表扬 | D. 不满的 |
|-------------------|---------------|------------------|---------------|

----- HẾT -----